

Soan bài: Phong cách ngôn ngữ chính luận**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN****1. Soan bài Phong cách ngôn ngữ chính luận mẫu 1****I. VĂN BẢN CHÍNH LUẬN VÀ NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**

1/ Tìm hiểu văn bản chính luận:

a. Văn bản chính luận:

- Thời xưa: Hịch, cáo, chiếu, biểu...
- Hiện đại: Cương lĩnh, tuyên bố, tuyên ngôn, báo cáo, tham luận...

b. Tìm hiểu ngữ liệu (SGK)

* Đoạn trích: Tuyên ngôn độc lập

- Tuyên ngôn, tuyên bố... nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia nhân dịp một sự kiện trọng đại

* Đoạn trích: Cao trào chống Nhật cứu nước

- Trích đoạn mở đầu trong tác phẩm chính luận CMDTDCND Việt Nam, tập I của đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Đoạn trích: Việt Nam đi tới -> Xã luận -> trên báo

- Phân tích những thành tựu mới về các lĩnh vực của đất nước, vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Từ đó nêu những triển vọng tốt đẹp của CM trong thời gian tới

2/Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận:

a. Văn bản chính luận:

- Ngôn ngữ chính luận còn được dùng trong các tài liệu chính trị khác, trong những tác phẩm lí luận có quy mô khá lớn: SGK.

- Ngôn ngữ chính luận tồn tại ở dạng viết mà cả ở dạng nói.

- Mục đích: Trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá một sự kiện, một vấn đề chính trị, một chính sách, chủ trương về văn hoá xã hội theo một quan điểm chính trị nhất định.

b. Phân biệt giữa nghị luận và chính luận:

- Nghị luận: Dùng để chỉ một loại thao tác tư duy; Một loại văn bản một kiểu làm văn trong nhà trường.

- Chính luận: Chỉ một phong cách ngôn ngữ văn bản nhằm trình bày những quan điểm chính trị của quốc gia, đoàn thể, quan điểm chính trị...

c. Ngôn ngữ chính luận:

- Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các hội nghị hội thảo... nhằm trình bày bình luận đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hoá... theo một quan điểm chính trị nhất định.

BÀI TẬP PHÂN LÝ THUYẾT:

Bài tập 1: SGK

Bài tập 2: Chú ý các mặt hiệu hiện của phong cách chính luận trong đoạn văn:

- Dùng nhiều từ ngữ chính trị.
- Câu văn mạch lạc, chặt chẽ, tuy có thể dùng câu dài (câu thứ 3 ở ví dụ trong SGK)
- Thể hiện rõ quan điểm chính trị về lòng yêu nước, đánh giá cao lòng yêu nước của ND ta.
- Đoạn văn có sức hấp dẫn và truyền cảm: nhờ lập luận chặt chẽ, nhờ những hình ảnh so sánh cụ thể, sát hợp.

Bài tập 3:

- Tinh thần buộc chúng ta phải chiến đấu
- Chiến đấu bằng mọi thứ có trong tay.
- Niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến.

II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DIỄN ĐẠT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:

1. Các phương tiện diễn đạt:

a. Về từ ngữ:

- Văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị: độc lập, đồng bào, dân chủ...

b. Về ngữ pháp:

- Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu chuẩn mực gắn với những phán đoán logic trong một hệ thống lí luận chặt chẽ.

VD: SGK.

- Câu phức thường dùng những từ ngữ liên kết như: Do vậy, bởi thế, cho nên... Cho lí luận được chặt chẽ.

c. Về biện pháp tu từ:

- Sử dụng rộng rãi các biện pháp tu từ.
- Ngôn ngữ chính luận sử dụng các biện pháp tu từ đúng chỗ. Làm cho bài viết sinh động dễ hiểu, khắc sâu ấn tượng.

2. Đặc trưng của ngôn ngữ chính luận:

a. Tính công khai về quan điểm

- Ngôn ngữ chính luận không chỉ thông tin một cách khách quan mà phải thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ chính trị của người viết (người nói) một cách công khai dứt khoát, không che giấu, úp mở.
- Từ ngữ phải được cân nhắc kĩ càng, đặt biệt những từ thể hiện lập trường, quan điểm

chính trị.

b. Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:

Hệ thống luận điểm chặt chẽ, từng ý, từng câu, từng đoạn được phối hợp với nhau một cách hài hoà, mạch lạc.

c. Tính truyền cảm, thuyết phục:

- Giọng văn hùng hồn tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.
- Đối với người nói (diễn thuyết, tranh luận) thì nghệ thuật hùng biện là điều quan trọng để truyền cảm, thuyết phục trong đó ngữ điệu, giọng nói được coi là phương tiện cần thiết để hỗ trợ cho lí lẽ, ngôn từ.

* LUYỆN TẬP

Bài tập 1: Các phép tu từ.

- Điệp ngữ kết hợp điệp cú: Ai có... dùng ...
- Liệt kê: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc.
- Ngắt đoạn câu (phối hợp với các phép tu từ trên) để tạo giọng văn dứt khoát, mạnh mẽ.

Bài tập 2: Có thể nêu một số ý:

- Luận cứ: Ở thời điểm nào thì thanh niên cũng gánh vác nhiệm vụ quan trọng của đất nước, là trụ cột, là người chủ tương lai của đất nước.
- Các luận chứng:
 - + Thế hệ thanh niên trong CMT8
 - + Thế hệ thanh niên trong kháng chiến chống Pháp và Mĩ.
 - + Thế hệ thanh niên trong công cuộc xây dựng CNXH, hội nhập với thế giới.
- Kết luận: Thanh niên phải học tập để xây dựng đất nước.

Bài tập 3: Có thể nêu một số ý:

- Lòng yêu nước có thể giáo dục từ truyền thống nhưng một phần khác bắt nguồn từ những tình cảm thiết thực "Nhỏ bé" của mỗi người.: Yêu người thân: cha, mẹ, ông, bà; Yêu làng quê và những kỉ niệm thời thơ ấu.
- Tình cảm cụ thể và nhỏ bé nhưng sâu sắc, thiết tha, lòng yêu nước trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng và có ý thức thường trực trong mỗi con người.
- Yêu nước là phải bảo vệ xây dựng đất nước

2. Soạn bài Phong cách ngôn ngữ chính luận mẫu 2

2.1. Văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận

1. Tìm hiểu văn bản chính luận

a. Tuyên ngôn

- Thể loại văn bản: tuyên ngôn, tuyên bố của một đảng phái chính trị hoặc của một vị

nguyên thủ quốc gia.

- Mục đích: tuyên bố độc lập dân tộc.

- Thái độ, quan điểm của người viết đối với vấn đề được đề cập đến: khẳng định quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

b. Bản tin thời sự

- Thể loại: bình luận thời sự

- Mục đích: chỉ rõ kẻ thù là phát xít Nhật.

- Thái độ: Khẳng định kẻ thù của ta là phát xít Nhật, bọn thực dân Pháp không còn là đồng minh chống Nhật của ta.

c. Xã luận

- Thể loại: xã luận

- Mục đích: Phân tích thành tựu trên các lĩnh vực và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

- Khẳng định đất nước Việt Nam căng tràn sức sống, sức xuân, trỗi dậy sức sống ấy biểu hiện ở mọi nơi, mọi người, thành tựu về nhiều lĩnh vực, giọng văn hào hứng sôi nổi.

2. Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận

Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng (khẩu ngữ) trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện, thời sự,... nhằm trình bày, đánh giá, bình luận các sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,... theo một quan điểm chính trị nhất định.

2.2. Luyện tập

Câu 1 (trang 99 SGK Ngữ văn 11 tập 2)

* Phân biệt giữa nghị luận và chính luận:

- Nghị luận

- + Là một phương pháp tư duy (diễn giảng, lập luận, bàn bạc). Một kiểu làm văn trong nhà trường (nghị luận văn chương, nghị luận xã hội)

- + Sử dụng ở tất cả mọi lĩnh vực khi cần trình bày diễn đạt.

- Chính luận.

- + Là một phong cách ngôn ngữ độc lập với phong cách ngôn ngữ khác.

- + Chỉ thu hẹp trong phạm vi trình bày quan điểm về vấn đề chính trị.

Câu 2 (trang 99 SGK Ngữ văn 11 tập 2)

- Đây là đoạn văn theo phong cách ngôn ngữ chính luận vì:

- + Mục đích của đoạn trích: trình bày, đánh giá vấn đề mang tính thời sự, chính trị: tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- + Dùng ngôn ngữ chính luận: nhiều từ chính trị: Dân ta, tổ quốc, yêu nước, xâm lăng, bán

nước, cướp nước...

- + Câu văn ngắn gọn, mạch lạc chặt chẽ có sức thuyết phục.
- + Lập luận chặt chẽ, mạch lạc, hình ảnh so sánh cụ thể => sức hấp dẫn và truyền cảm
- + Đoạn văn thể hiện rõ quan điểm chính trị về truyền thống yêu nước.

Câu 3 (trang 99 SGK Ngữ văn 11 tập 2)

- Thể hiện rõ lập trường chính nghĩa của cuộc kháng chiến, thái độ dứt khoát với thực dân Pháp, kêu gọi cả nước quyết tâm đánh giặc

- Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, luận cứ đáng tin cậy, logic, khoa học, có sức thuyết phục cao:

+ Nêu tình thế chúng ta phải chiến đấu: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.”

“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.”

+ Chúng ta chiến đấu bằng vũ khí gì: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc khẳng định đó là cuộc chiến tranh nhân dân

+ Tinh thần quyết tâm chiến đấu để giữ nước: “bất kì người Việt Nam nào với bất kì phương tiện gì cũng có thể dùng làm vũ khí đều phải đứng lên chống Pháp” (từ ngữ giản dị: đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ; vũ khí: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc...).

+ Thể hiện niềm tin vào chiến thắng: “Nhất định thắng lợi, độc lập, thống nhất. Khẳng định niềm tin chiến thắng của chúng ta.”

- Dùng lí lẽ, dẫn chứng để phơi bày dã tâm xâm lược của kẻ thù.

- Giải thích, thuyết phục mọi người cần tham gia đánh giặc cứu nước như thế nào

-> xác đáng, chặt chẽ

- Giọng văn hùng hồn, đanh thép, có sức truyền cảm mạnh mẽ.

Mời bạn đọc cùng tham khảo <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-11>